

Số: 53/2017/KPF-CV

(V/v: Giải trình lý do nộp BCTC chậm)

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2017

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức niêm yết : **Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh**
2. Mã chứng khoán : **KPF**
3. Địa chỉ : Tầng 1 số 163 đường Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Nội dung : Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh xin giải trình về việc nộp chậm BCTC soát xét như sau:

Do có sự biến động về nhân sự ở vị trí Kế toán trưởng của công ty ngay gần thời hạn phải nộp BCTC soát xét và quá trình bàn giao công việc giữa Kế toán trưởng cũ là ông Vũ Văn Hùng và Kế toán trưởng hiện tại là ông Đồng Văn Tín (được bổ nhiệm ngày 04/8/2017) mất nhiều thời gian, chính vì vậy công tác phối hợp với Công ty kiểm toán để chuẩn bị BCTC soát xét 06 tháng đầu năm xảy ra sự chậm trễ ngoài ý muốn của doanh nghiệp.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

Rất mong nhận được sự thông cảm và hỗ trợ của Quý Ủy ban và Quý Sở.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Minh Tuấn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 06 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST.,JSC.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

- + *Thăm tra bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công các công trình;*
 - + *Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;*
 - + *Thiết kế các công trình xây dựng bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế các công trình đường bộ; Thiết kế các công trình cấp thoát nước; Thiết kế công trình điện, đường dây và trạm biến áp đến 35KV;*
 - + *Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*
 - + *Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng);*
 - + *Thăm tra dự án đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;*
 - + *Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);*
 - Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Chi tiết: Hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật;*
- Vận tải hành khách đường bộ khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 1, số 163 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, HN

Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng ô tô;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty Kinh doanh;

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị;

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu và các sản phẩm trang trí nội ngoại thất công trình;

- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, số 163, đường Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 171.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn./*). Tương đương với 17.160.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT
Bà Tạ Thị Dinh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đinh Thị Hải	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hà Giang	Thành viên BKS
Ông Pha Huy Lễ	Thành viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Địa chỉ: Tầng 1, số 163 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, HN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 1, số 163 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, HN

30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 340 /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Kính gửi:

Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2017, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán:

Số: 0739-2017-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.508.951.251	75.450.029.079
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.847.580.937	5.228.910.081
1. Tiền	111		1.847.580.937	5.228.910.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.687.714.035	69.900.103.458
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	12.802.827.356	68.779.635.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		210.813.705	94.862.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	5.830.000.000	300.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	13.844.072.974	1.550.605.278
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	-	(825.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	778.627.886	321.015.540
1. Hàng tồn kho	141		778.627.886	321.015.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		195.028.393	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	193.028.393	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.589.971.637	175.916.554.627
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.595.000.000	19.404.842.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	10.595.000.000	19.404.842.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		650.581.521	1.282.630.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	650.581.521	1.282.630.490
- Nguyên giá	222		1.739.284.546	2.932.448.182
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.088.703.025)	(1.649.817.692)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	161.195.709.978	155.195.709.978
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		122.400.000.000	122.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.000.000.000	33.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(204.290.022)	(204.290.022)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		148.680.138	33.371.659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	148.680.138	33.371.659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.098.922.888	251.366.583.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.589.654.381	68.051.599.475
I. Nợ ngắn hạn	310		24.173.930.381	67.365.019.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	12.319.898.223	58.448.120.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.762.685.110	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	718.918.355	3.494.571.566
4. Phải trả người lao động	314		100.928.693	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	6.271.500.000	5.422.327.015
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		415.724.000	686.580.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	415.724.000	686.580.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

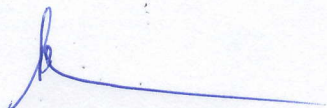
(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.509.268.507	183.314.984.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	183.509.268.507	183.314.984.231
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.600.000.000	171.600.000.000
- Cổ phần phổ thông	411A		171.600.000.000	171.600.000.000
- Cổ phần có quyền ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.939.268.507	11.744.984.231
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.744.984.231	2.550.348.892
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		194.284.276	9.194.635.339
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.098.922.888	251.366.583.706

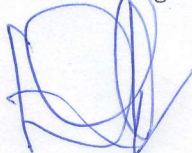
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập



Nguyễn Quỳnh Anh

Kế toán trưởng



Đồng Văn Tín



Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26.430.404.128	40.459.419.133
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		26.430.404.128	40.459.419.133
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.376.392.967	33.043.763.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.054.011.161	7.415.655.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	291.648.465	1.325.329.874
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	239.604.789	101.627.799
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		239.604.789	101.627.799
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	403.169.883	904.737.204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.380.311.407	1.987.662.103
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		322.573.547	5.746.957.943
11. Thu nhập khác	31	VI.6	16.906.993	1.400.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.906.993	1.400.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		339.480.540	5.748.357.943
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	145.196.264	1.195.726.615
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		194.284.276	4.552.631.328
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	11,32	291,84

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quỳnh Anh

Đồng Văn Tín

Đoàn Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế			339.480.540	5.748.357.943
2. Điều chỉnh cho các khoản	01		(575.324.619)	(1.019.287.409)
+ Khấu hao tài sản cố định	02		168.040.881	204.414.666
+ Các khoản dự phòng	03		(825.000.000)	
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(157.970.289)	(1.325.329.874)
+ Chi phí lãi vay	06		239.604.789	101.627.799
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(235.844.079)	4.729.070.534
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		52.377.231.923	(30.365.305.249)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(457.612.346)	(139.924.186)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(41.642.938.033)	27.134.143.834
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(308.336.872)	(22.155.474)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(239.604.789)	(101.627.799)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.544.520.310)	(12.911.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		6.948.375.494	1.221.290.144
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và sản dài hạn khác	22		468.636.364	
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của khác	23		(5.530.000.000)	(5.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24			500.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(18.000.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		153.342.013	75.329.874
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.908.021.623)	(22.424.670.126)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.144.500.000	1.850.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.566.183.015)	(1.622.106.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		578.316.985	227.894.000
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.228.910.081	22.935.153.224
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.847.580.937	1.959.667.242

Người lập

Nguyễn Quỳnh Anh

Kế toán trưởng

Đông Văn Tín

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
HOÀNG MINH
Đ. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Minh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") (đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 06 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST., JSC.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

- + Thẩm tra bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công các công trình;
 - + Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
 - + Thiết kế các công trình xây dựng bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế các công trình đường bộ; Thiết kế các công trình cấp thoát nước; Thiết kế công trình điện, đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
 - + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - + Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng);
 - + Thẩm tra dự án đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;
 - + Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
 - Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Chi tiết: Hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật;*
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng ô tô;*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty Kinh doanh;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu và các sản phẩm trang trí nội ngoại thất công trình;
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp.

Địa chỉ trụ sở chính: Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, số 163, đường Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 171.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn./.*). Tương đương với 17.160.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập

Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi

phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại TT số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng

xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

20.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

20.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	727.253.244	1.032.649.536
- Tiền gửi tại ngân hàng	1.120.327.693	4.196.260.545
+ Tiền gửi VND	1.120.327.693	4.196.260.545
- Ngân hàng TMCP Tiền Phong	1.651.065	1.678.998
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	227.204.860	4.163.840.037
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	877.969.450	
- Các Ngân hàng khác	13.502.318	30.741.510
Cộng	1.847.580.937	5.228.910.081

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Công ty CP đầu tư và phát triển Lũng Lô 5	1.941.953.825		947.457.588	
Công ty TNHH Nhấn Hồng Ngọc Việt	5.850.280.000		9.130.280.000	
Công ty TNHH đầu tư sản xuất kỹ thương Huy Hoàng	1.900.151.565		47.123.101.222	
Các khách hàng khác	3.110.441.966		9.928.796.620	
Hợp tác xã PT nông nghiệp sạch Chân Lý			1.650.000.000	825.000.000
Cộng	12.802.827.356	-	68.779.635.430	825.000.000

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP đầu tư Tam Hà	300.000.000		300.000.000	
Công ty cổ phần gạch nhẹ Phúc Sơn	5.530.000.000			
Cộng	5.830.000.000	-	300.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết	300.000.000	300.000.000
Cộng		300.000.000	300.000.000

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	13.844.072.974	-	1.550.605.278	-
- Phải thu bảo hiểm	5.271.000		1.218.750	
- Tạm ứng	639.343.740		378.000.000	

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	13.081.444.234	-	1.171.386.528	-
+ Công ty CP Gạch nhẹ Phúc Sơn	1.682.336.528	-	1.143.766.528	-
+ Đặng Quang Thái (*)	11.245.705.350			
+ Các đối tượng khác	153.402.356		27.620.000	
b. Dài hạn	10.595.000.000	-	19.404.842.500	-
+ Công ty CP Đầu tư Tam Hà	5.000.000.000	-	-	-
+ Công ty cổ phần Phú Gia Hà Nam	5.000.000.000			
+ HTX PTNN sạch Chân Lý	150.000.000		150.000.000	
+ Phải thu cá nhân (*)	445.000.000	-	16.308.000.000	-
+ Phải thu khác			2.946.842.500	
Cộng	24.439.072.974	-	20.955.447.778	-

(*) Đây là khoản ứng cho các cá nhân công ty phục vụ công tác khai thác tìm kiếm dự án cho Công ty. Các khoản tạm ứng này đã được Hội đồng quản trị phê duyệt về hạn mức và mục đích sử dụng vốn của công ty.

Số dư với các bên liên quan

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết	5.000.000.000	
Công ty cổ phần Phú Gia Hà Nam	Công ty liên kết	5.000.000.000	
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	11.245.705.350	
Cộng		21.245.705.350	

5. NỢ XẤU

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đối tượng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi tiết		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hợp tác xã PT nông nghiệp sạch Chân Lý		1.650.000.000	825.000.000
Cộng		1.650.000.000	825.000.000

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	778.627.886	-	321.015.540	-
Cộng	<u>778.627.886</u>	<u>-</u>	<u>321.015.540</u>	<u>-</u>

Đơn vị tính: VND

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND

* Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: 0 VND.

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	193.028.393	-
Chi phí thuê văn phòng	59.189.000	
Chi phí tổ chức hội nghị	126.639.393	
Chi phí khác	7.200.000	
b. Dài hạn	148.680.138	33.371.659
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	90.056.138	33.371.659
Chi phí sửa chữa văn phòng	58.624.000	
Cộng	<u>341.708.531</u>	<u>33.371.659</u>

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NỘI DUNG	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ			
Số dư đầu năm	2.879.082.727	53.365.455	2.932.448.182
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm, xây dựng mới			
Số giảm trong kỳ	1.193.163.636	-	1.193.163.636
- Do thanh lý, nhượng bán	1.193.163.636		1.193.163.636
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	1.685.919.091	53.365.455	1.739.284.546
HAO MÒN TSCĐ			
Số dư đầu năm	1.649.817.692		1.649.817.692
Số tăng trong kỳ	154.699.515	13.341.366	168.040.881
- Do trích khấu hao	154.699.515	13.341.366	168.040.881
Số giảm trong kỳ	729.155.548	-	729.155.548
- Do thanh lý, nhượng bán	729.155.548		729.155.548
Số dư cuối kỳ	1.075.361.659	13.341.366	1.088.703.025
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.229.265.035	53.365.455	1.282.630.490
Số dư cuối kỳ	610.557.432	40.024.089	650.581.521

- Giá trị còn lại của tài sản đem cầm cố thế chấp tại ngày 30/06/2017: 610.557.432 VND

- Nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2017 đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là: 0 VND.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

ĐC: Tầng 1 số 163, đường Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
				Dự phòng	
Đầu tư vào công ty liên kết	122.400.000.000	204.290.022	122.195.709.978	122.400.000.000	122.195.709.978
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	39.200.000.000		39.200.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	39.200.000.000	204.290.022	38.995.709.978	39.200.000.000	38.995.709.978
- Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Hà Nam	44.000.000.000		44.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000
Đầu tư khác	39.000.000.000	-	39.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia Hà Nam	23.000.000.000		23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
- Hợp tác xã sạch Chân Lý	16.000.000.000		16.000.000.000		
- Đầu tư khác					
Cộng	161.400.000.000	204.290.022	161.195.709.978	155.400.000.000	155.195.709.978
				10.000.000.000	10.000.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Số 12, ngõ 223 đường Trường Chinh, phường Hai Bà Trưng, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam.	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Phá dỡ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	Xóm 4 Trạm Xây, thôn Hồng Lý, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; quặng sắt; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng....

Công ty Cổ phần đầu tư nông nghiệp Hà Nam	Bến Nhật Tảo, Xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	44,00%	44,00%	- Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ tre nứa) và động vật sống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu;...
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia	Số 10, ngách 90/19 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.	12,78%	12,78%	Khai thác và thu gom than non, than bùn, than cứng; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu....

* Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Quốc tế KPF không có lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư và công ty liên kết do các công ty liên kết này tuy có lãi nhưng không thực hiện phân chia lợi nhuận.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	12.319.898.223	12.319.898.223	58.448.120.894	58.448.120.894
Doanh nghiệp tư nhân Đức Lượng	-	-	1.563.712.972	1.563.712.972
Doanh nghiệp tư nhân sắt thép 27-7	-	-	19.502.363.260	19.502.363.260
Công ty TNHH một thành viên Xuân Phát	4.370.400.000	4.370.400.000	7.650.400.000	7.650.400.000
Công ty TNHH thương mại Vân Cường	-	-	25.886.217.248	25.886.217.248
Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Hưng Thịnh	1.382.000.000	1.382.000.000	1.382.000.000	1.382.000.000
Cty CP xây dựng ĐT&PT Hà Nội	5.039.853.123	5.039.853.123		-
Các khách hàng khác	1.527.645.100	1.527.645.100	2.463.427.414	2.463.427.414
Cộng	12.319.898.223	12.319.898.223	58.448.120.894	58.448.120.894

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Tam Hà		21.780.000
Cộng		21.780.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	805.269.406	29.427.238	794.990.689	39.705.955
Thuế TNDN	2.562.382.160	145.196.264	2.544.520.310	163.058.114
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.438.458	704.950	2.733.508
Thuế khác	-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	126.920.000	392.847.112	6.346.334	513.420.778
Cộng	3.494.571.566	178.061.960	3.346.562.283	718.918.355

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

ĐC: Tầng 1 số 163, đường Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	6.271.500.000	6.271.500.000	6.144.500.000	5.295.327.015	5.422.327.015	5.422.327.015	
Vay ngân hàng	-	-					
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	-	-		4.195.327.015	4.195.327.015	4.195.327.015	
Vay cá nhân							
- Đặng Quang Thái	6.271.500.000	6.271.500.000	6.144.500.000	1.100.000.000	1.227.000.000	1.227.000.000	
b. Vay dài hạn	415.724.000	415.724.000		270.856.000	686.580.000	686.580.000	
- Vay Ngân hàng	415.724.000	415.724.000	-	270.856.000	686.580.000	686.580.000	
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	415.724.000	415.724.000		73.356.000	489.080.000	489.080.000	
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-		197.500.000	197.500.000	197.500.000	
- Vay cá nhân dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Số cuối kỳ	6.687.224.000	6.687.224.000	6.144.500.000	5.566.183.015	6.108.907.015	6.108.907.015	

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 30/06/2017 như sau:

Vay ngắn hạn ông Đặng Quang Thái:

- Theo Hợp đồng vay vốn số 003 ngày 09/12/2016 giữa công ty CP Tư vấn dự án Quốc tế KPF (nay là công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh) và ông Đặng Quang Thái : Khoản vay áp dụng lãi suất là : 0,8%/tháng; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày nhận nợ, hạn cuối cùng là ngày 31/12/2017. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2017 là: 6.271.500.000 VND.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Hợp đồng tín dụng số OD15016/HĐTD ngày 07/4/2015

- Hạn mức cho vay: 733.600.000 VND.
- Thời hạn cấp hạn mức: 60 tháng kể từ ngày 07/4/2015.
- Lãi suất cho vay: 8,2%/năm trong năm đầu tiên. Từ năm thứ 2, lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm cao nhất + biên độ 3,5%/năm.
- Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Fortuner V Sport tivo 4x2 theo Hợp đồng mua bán xe số TVM - K - TTX - 04420215 ký ngày 02/3/2015 giữa Công ty CP Tư vấn Dự án Quốc tế KPF (Bên mua) và Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân (Bên bán).
- Phương thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp Tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của công ty
- Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 415.724.000 VND

Số dư với các bên liên quan

		Đơn vị tính: VND
		Số cuối kỳ
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	6.271.500.000
Cộng		6.271.500.000

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

				Đơn vị tính: VND
Diễn giải	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	156.000.000.000	(30.000.000)	18.150.348.892	174.120.348.892
Vốn tăng trong năm trước	15.600.000.000			15.600.000.000
Lợi nhuận trong năm trước			9.194.635.339	9.194.635.339
Phân phối lợi nhuận			(15.600.000.000)	(15.600.000.000)
Giảm vốn trong năm				-
Số dư cuối năm trước	171.600.000.000	(30.000.000)	11.744.984.231	183.314.984.231
Số dư đầu năm nay	171.600.000.000	(30.000.000)	11.744.984.231	183.314.984.231
Vốn tăng trong kỳ				-
Lợi nhuận trong kỳ			194.284.276	194.284.276
Số dư cuối kỳ	171.600.000.000	(30.000.000)	11.939.268.507	183.509.268.507

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của cổ đông khác

Cộng

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong kỳ

+ Vốn góp giảm trong kỳ

+ Vốn góp cuối kỳ

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ *Cổ phiếu phổ thông*

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ *Cổ phiếu phổ thông*

+ *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO
- KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU

Tổng doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu xây lắp

Các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn bán hàng hóa

- Giá vốn xây lắp

Cộng

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi thu từ chuyển nhượng cổ phần

- Thu khác

Cộng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
	171.600.000.000	171.600.000.000
	171.600.000.000	171.600.000.000
	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	171.600.000.000	156.000.000.000
	-	-
	171.600.000.000	156.000.000.000
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
	17.160.000	17.160.000
	17.160.000	17.160.000
	17.160.000	17.160.000
	-	-
	17.160.000	17.160.000
	17.160.000	17.160.000
	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	26.430.404.128	40.459.419.133
	18.070.135.038	40.459.419.133
	8.360.269.090	
	-	-
	26.430.404.128	40.459.419.133
	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	17.131.896.492	33.043.763.958
	7.244.496.475	
	24.376.392.967	33.043.763.958
	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
	153.342.013	75.329.874
		1.250.000.000
	138.306.452	
	291.648.465	1.325.329.874

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Trích lập dự phòng/hoàn nhập dự phòng đầu tư

Cộng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
VND	VND
239.604.789	101.627.799
239.604.789	101.627.799

5. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
- Thuế phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền
- Chi phí dự phòng

Cộng

Trong đó bao gồm:

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Cộng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
VND	VND
1.005.852.951	760.654.300
168.040.881	204.414.666
312.750.021	37.869.526
4.956.324	18.078.034
8.766.245.353	1.700.843.774
710.904.850	170.539.007
(825.000.000)	-
10.143.750.380	2.892.399.307

6 tháng đầu năm 2017 6 tháng đầu năm 2016

VND	VND
8.360.269.090	-
8.360.269.090	-

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền
- Chi phí dự phòng

Cộng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
VND	VND
756.360.839	760.654.300
168.040.881	204.414.666
312.750.021	37.869.526
4.956.324	18.078.034
336.398.492	796.106.570
626.804.850	170.539.007
(825.000.000)	-
1.380.311.407	1.987.662.103

c. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
VND	VND
249.492.112	-
69.577.771	904.737.204
84.100.000	-
403.169.883	904.737.204

6. THU NHẬP KHÁC

Thu từ thanh lý tài sản cố định, CCDC

Thu nhập khác

Cộng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
VND	VND
4.628.276	-
12.278.717	1.400.000
16.906.993	1.400.000

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận trước thuế	339.480.540	5.748.357.943
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	386.500.778	230.275.132
Các khoản điều chỉnh tăng	386.500.778	230.275.132
- Chi phí không hợp lệ	386.500.778	230.275.132
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	725.981.318	5.978.633.075
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.196.264	1.195.726.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	145.196.264	1.195.726.615

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	194.284.276	4.552.631.328
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	194.284.276	4.552.631.328
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.160.000	15.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	011,32	291,84

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.847.580.937	-	5.228.910.081	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.241.900.330	-	89.735.083.208	825.000.000
Các khoản cho vay	5.830.000.000	-	300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	44.919.481.267	-	95.263.993.289	825.000.000
Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ	6.687.224.000	-	6.108.907.015	-
Phải trả người bán, phải trả khác	12.319.898.223	-	58.448.120.894	-
Cộng	19.007.122.223	-	64.557.027.909	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.847.580.937			1.847.580.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.646.900.330	10.595.000.000		37.241.900.330
Các khoản cho vay	5.830.000.000			5.830.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Cộng	34.324.481.267	10.595.000.000	-	44.919.481.267
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.228.910.081			5.228.910.081
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.330.240.708	19.404.842.500		89.735.083.208
Các khoản cho vay	300.000.000			300.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Cộng	75.859.150.789	19.404.842.500	-	95.263.993.289

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	6.271.500.000	415.724.000		6.687.224.000
Phải trả NB, phải trả khác	12.319.898.223			12.319.898.223
Chi phí phải trả	-			-
Cộng	18.591.398.223	415.724.000	-	19.007.122.223
Số đầu năm				
Vay và nợ	5.422.327.015	686.580.000		6.108.907.015
Phải trả NB, phải trả khác	58.448.120.894			58.448.120.894
Chi phí phải trả	-			-
Cộng	63.870.447.909	686.580.000	-	64.557.027.909

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	26.430.404.128	26.430.404.128
Tổng doanh thu thuần	26.430.404.128	26.430.404.128
Chi phí bộ phận	24.376.392.967	24.376.392.967
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.054.011.161	2.054.011.161
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		1.783.481.290
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		270.529.871
Doanh thu hoạt động tài chính		291.648.465
Chi phí tài chính		239.604.789
Chi phí khác		-
Thuế TNDN hiện hành		145.196.264
Lợi nhuận sau thuế		194.284.276

4. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Mua hàng		-	768.367.000
- Công ty CP Phú Gia Hà Nam	Công ty liên kết		415.630.000
- Công ty CP Đầu tư Tam Hà	Công ty liên kết		352.737.000
Phải thu khác		11.245.705.350	-
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	11.245.705.350	
Vay vốn			
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	6.144.500.000	
Thanh toán nợ vay			
Ông Đặng Quang Thái		(1.100.000.000)	

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2017 là: 261.291.538 VND.

5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	82,94%	64,21%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	17,06%	35,79%
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	11,82%	18,22%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	88,18%	81,78%
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	8,46	5,49
2.2. Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,47	2,01
2.3. Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,08	0,05
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	1,27%	13,76%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	0,73%	10,90%
3.2. Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,15%	2,85%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,08%	2,25%
3.3. Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	0,11%	2,58%

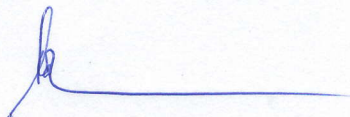
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016; Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập



Nguyễn Quỳnh Anh

Kế toán trưởng



Đồng Văn Tín



Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Tuấn